TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 / 5 / 2018
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hồng Phướng;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Văn Hòa, cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc: "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị kiều Tr, sinh năm 1990, địa chỉ nơi cư trú: tổ 03, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1989, địa chỉ nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà Tr có mặt tại phiên tòa; ông Ng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá tình tố tụng nguyên đơn bà Thái Thị kiều Tr trình bày: bà với ông Ng do mai mối, tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có con chung tên Trần Thị Kim Lài, sinh ngày 12/11/2011. Nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, do nhiều nguyên nhân, ông Ng không lo làm ăn, chỉ đam mê cờ bạc, bà nhiều lần

khuyên ngăn nhưng không khắc phục, làm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với ông Ng từ năm 2013. Nay, nhận thấy tình cảm của bà đối với ông Ng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Ng; Về con chung từ khi ly thân đến nay thì sống với bà, nên bà yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng; Về tài sản chung - nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết;

Bị đơn, ông Ng đã nhận biết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như đã nhận được các văn bản tố tụng do tòa án tống đạt, nhưng ông Ng không đến tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải nên tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời thông báo kết quả về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải;

Tại phiên tòa,

Bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Ng; yêu cầu nuôi dạy con chung, ông Ng không phải cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tống đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa ông Ng, bà Tr tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền nghĩa vụ vợ chồng; ông Ng với bà Tr là vợ chồng, nhưng không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Nên, xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr; Về con chung tiếp tục giao cho bà Tr nuôi dạy, ông Ng không phải cấp dưỡng; Về tài sản chung - nợ chung: không xem xét;

Các đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ng. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông

Ng có địa chỉ nơi cư trú và thường xuyên sinh sống tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của ông Ng: Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Ng vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không gì sự bất khả kháng; Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: ông Ng với bà Tr tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, theo trích lục giấy chứng nhận kết hôn số: 943/TLKH-BS ngày 14/12/2017 nên hôn nhân giữa ông Ng, bà Tr là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng giữa ông Ng, bà Tr có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vẫn đến bà Tr bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2013, không còn quan hệ vợ chồng với ông Ng từ năm 2013 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2018, được ban ấp Khánh hòa, xã Khánh Hòa, nơi ông Ng đang sinh sống cho biết: ông Ng hiện đang cư trú tại địa phương, có vợ là bà Thái Thị kiều Tr, sinh năm 1990. Nhưng, do bất đồng quan điểm nên đã không còn sống chung hơn hai năm nay.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…." Thế nhưng vợ chồng bà Tr, ông Ng không còn chung sống đã hơn hai năm nay là khoản thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất bà Tr được ly hôn ông Ng;

[2.2] Xét Về con chung:

Về con chung, ông Ng, bà Tr trong thời gian chung sống, có con chung tên Trần Thị Kim Lài sinh ngày 12/11/2011. Từ khi ông Ng, bà Tr sống ly thân đến nay thì con chung sống với bà Tr;

Xét thấy, việc bà Tr yêu cầu được nuôi dạy con chung thấy rằng: Từ khi bà Tr cùng con sống ly thân với ông Ng đến nay là một thời gian dài, nhưng bà Tr một mình vẫn đảm bảo cuộc sống cho các cháu ổn định cuộc sống và phát triển về thể chất. Do đó, nếu Tòa án giao con chung cho ông Ng nuôi dạy thì ngoài việc cháu bị ảnh hưởng tâm lý từ việc ly hôn của cha mẹ lại còn phải chịu tác động về

thay đổi điều kiện sống, sống xa cách người đã trực tiếp chăm sóc cháu từ lúc nhỏ. Do đó, để đảm bảo ổn định điều kiện sống của cháu sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà Tr được tiếp tục nuôi dạy;

Bà Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà Tr trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Xét về về cấp dưỡng nuôi dạy con chung:

Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra ông Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr cho rằng hiện nay có thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi dạy con chung.

Xét thấy, việc bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ông Ng không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung;

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, bà Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Ng không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 83 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự năm 2008;

Xử:

Về hôn nhân: Bà Thái Thị kiều Tr, sinh năm 1990 được ly hôn ông Trần Văn Ng, sinh năm 1989;

Về con chung:

Bà Tr được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Thị Kim Lài sinh ngày 12/11/2011, ông Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà Tr trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Thái Thị kiều Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là *300.000 đồng* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là *300.000 (Ba trăm ngàn) đồng* theo biên lai số TU/2016/0002119 ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú; bà Tr đã nộp đủ.

Ông Ng không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Ng là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức